UBND XÃ ĐƯỜNG AN
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG HƯU TRÍ XÃ HỘI ĐỀ NGHỊ TRUY LĨNH THEO NGHỊ ĐỊNH 335/2026/NĐ-CP NGÀY21/8/2026

(Số tháng truy lĩnh: tháng 7,8,9 năm 2026)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Thôn	Xã	Số tiền theo NĐ 176/2025	Số tiền theo NĐ 335/2026	Hưởng chênh lệch	Số tháng truy lĩnh	Tổng số tiền nhận	Ghi chú
1	Bùi Thị Lụ	8/4/1940	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
2	Vũ Thị Hoạt	10/7/1944	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
3	Vũ Đình Chi	4/12/1939	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
4	Vũ Đình Quân	12/12/1941	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
5	Vũ Thị Thuyết	1/1/1939	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
6	Vũ Thị Trường	01/01/1934	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
7	Vũ Thị Xô	1/1/1936	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
8	Nguyễn Thị Kỹ	1/1/1936	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
9	Đỗ Thị Đoãn	1/2/1938	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
10	Lê Thị Hữu	1/1/1934	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
11	Lê Thị Nhát	1/1/1932	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
12	Phan Thị Phấn	1/1/1936	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
13	Lê Thị ĐạT	1/1/1933	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
14	Nguyễn Thị Canh	1/1/1938	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
15	Nguyễn Văn Trường	15/8/1941	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
16	Trần Văn Bình	1/1/1933	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

17	Nguyễn Văn Đợi	5/8/1937	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
18	Lê Thị Nữa	1/1/1933	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
19	Lê Thị Chác	1/1/1933	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
20	Nguyễn Thị Sỹ	12/5/1943	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
21	Vũ Thị Ky	10/9/1938	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
22	Vũ Thị Phảnh	6/2/1931	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
23	Nguyễn Văn Bút	5/8/1933	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
24	Nguyễn Thị Phụng	1/1/1930	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
25	Nguyễn Thị Bè	1/1/1935	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
26	Vũ Thị Đường	1/1/1929	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
27	Lê Thị Xuyến	1/1/1935	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
28	Vũ Thị Viểm	1/1/1933	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
29	Vũ Thị Mẽ	1/1/1938	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
30	Vũ Thị Ngựu	1/1/1936	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
31	Vũ Đình Kỳ	1/1/1935	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
32	Nhữ Thị Rếch	1/1/1938	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
33	Vũ Thị Hồng	1/1/1937	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
34	Trần Thị Tặng	1/1/1941	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
35	Trần Thị Ty	02/02/1942	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
36	Vũ Thị Lan	1/1/1930	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
37	Vũ Thị Tơ	01/01/1942	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
38	Đỗ Thị Liểu	1/8/1937	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
39	Lê Văn Ngâm	1/1/1934	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

40	Dương Thị Thắm	1/1/1935	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
41	Vũ Thị Hồ	10/03/1942	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
42	Nguyễn Thị Thi	1/1/1938	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
43	Đoàn Thị La	1/1/1936	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
44	Vũ Thị Đông	1/1/1936	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
45	Trần Thị Mùi	1/1/1934	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
46	Trần Văn Xê	01/01/1933	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
47	Vũ Thị Bồi	10/1/1935	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
48	Nguyễn Thị Sổ	1/1/1938	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
49	Vũ Văn Phước	12/1/1942	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
50	Vũ Đình Dần	15/9/1942	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
51	Vũ Thế Thành	1/1/1935	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
52	Nguyễn Văn Thức	12/6/1939	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
53	Nguyễn Thị Ca	1/1/1941	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
54	Vũ Xuân Vinh	1/5/1940	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
55	Bùi Thị Mây	1/1/1927	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
56	Vũ Thị Nhúi	1/1/1936	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
57	Nguyễn Thị Nhất	1/1/1936	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
58	Vũ Thị Kín	1/1/1937	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
59	Vũ Thị Tính	1/1/1938	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
60	Vũ Xuân Mã	1/1/1939	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
61	Đặng Thị Mua	1/1/1933	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
62	Nguyễn Thị Kỳ	1/1/1933	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

63	Nguyễn Thị Hòe	1/1/1942	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
64	Trần Văn Nhẹ	1/1/1942	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
65	Nguyễn Thị Định	1/1/1944	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
66	Hồ Thị Chuyên	1/1/1943	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
67	Nhữ Thị Mùi	1/1/1940	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
68	Nguyễn Thị Lọt	1/1/1944	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
69	Phan Thị Thành	1/1/1930	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
70	Vũ Thị Cõn	01/01/1932	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
71	Nguyễn Thị Vẻ	1/1/1933	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
72	Vũ Thị Hợi	01/01/1929	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
73	Vũ Thị Nhật	1/1/1937	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
74	Vũ Thị Yên	16/2/1944	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
75	Trần Thị Sang	8/4/1944	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
76	Vũ Văn Xuân	20/5/1944	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
77	Vũ Xuân Việt	1/1/1945	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
78	Ngô Thị Thảnh	1/1/1945	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
79	Đỗ Thị Nguyên	1/1/1945	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
80	Bùi Quang Minh	1/1/1945	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
81	Vũ Thị Thơ	1/1/1945	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
82	Đỗ Như	17/1/1945	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
83	Nguyễn Thị Nuôi	01/01/1929	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
84	Vũ Hữu Đát	10/1/1928	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
85	Trương Thị Côi	01/01/1934	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

86	Vũ Thị Dầm	01/01/1934	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
87	Vũ Thị Minh	01/02/1938	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
88	Vũ Như Huynh	01/01/1936	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
89	Nguyễn Thị Khá	25/07/1938	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
90	Vũ Thị Nhàn	10/02/1927	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
91	Vũ Văn Giềng	05/02/1940	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
92	Nguyễn Thị Sậu	02/03/1940	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
93	Đỗ Văn Căn	25/04/1941	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
94	Nguyễn Văn Hà	03/03/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
95	Nhữ Thị Quế	01/01/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
96	Nguyễn Văn Phùng	01/01/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
97	Nguyễn Văn Cứ	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
98	Nguyễn Văn Hồi	01/01/1933	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
99	Trần Thị Ngày	01/01/1935	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
100	Nguyễn Thị Sửu	01/01/1935	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
101	Nhữ Đình Xuân	01/01/1935	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
102	Bùi Thị Sinh	01/10/1937	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
103	Nguyễn Thị Nụ	01/01/1937	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
104	Nguyễn Thị Sặt	19/04/1939	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
105	Phạm Thị Gái	10/10/1941	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
106	Nhữ Thị Bé	01/01/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
107	Nguyễn Văn Đang	4/10/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
108	Nhữ Thị Hảo	03/07/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

109	Đoàn Thị Mạc	13/4/1943	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
110	Lê Huy Phác	01/01/1928	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
111	Vũ Thị Sỉnh	01/01/1928	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
112	Lê Thị My	01/01/1932	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
113	Bùi Thị Chinh	01/01/1933	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
114	Vũ Thị Thanh	01/01/1934	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
115	Lê Thị Lan	01/01/1935	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
116	Nguyễn Thị Ngoan	01/01/1935	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
117	Đỗ Thị Nhắt	27/08/1938	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
118	Nguyễn Thị Đĩa	01/01/1939	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
119	Vũ Thị Viu	01/04/1940	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
120	Lê Huy Hồng	01/02/1940	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
121	Nguyễn Văn Lược	10/09/1940	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
122	Nguyễn Thị Vinh	19/10/1940	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
123	Vũ Thị Tám	08/03/1942	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
124	Phạm Thị Phấn	8/12/1942	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
125	Phạm Thị Vẻ	1/1/1943	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
126	Trần Thị Mơ	01/01/1936	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
127	Vũ Văn Tùng	01/01/1941	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
128	Lê Thị Tròn	01/01/1928	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
129	Nguyễn Quang Tam	15/03/1938	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
130	Phạm Thị Mít	01/01/1935	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
131	Vũ Thị Thầm	01/01/1931	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

132	Đỗ Thị Nhượng	01/01/1933	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
133	Vũ Thị Nghì	01/01/1933	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
134	Đỗ Thị Gái	01/01/1934	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
135	Vũ Thị Tương	06/04/1941	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
136	Phạm Thị Chiến	15/8/1942	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
137	Vũ Thị Áp	05/03/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
138	Trần Văn Luật	01/01/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
139	Đỗ Thị Hoa	01/01/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
140	Nguyễn Thị Hoa	05/05/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
141	Lê Thị Cánh	01/01/1931	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
142	Nhữ Xuân Tương	01/01/1931	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
143	Vũ Thị Quế	01/01/1931	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
144	Lê Thị Be	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
145	Trần Thị Kỳ	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
146	Nguyễn Văn Chén	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
147	Nhữ Thị Mùi	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
148	Phạm Thị Mong	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
149	Nguyễn Thị Gấm	01/01/1933	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
150	Lại Thị Lộc	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
151	Phạm Thị Toan	01/01/1930	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
152	Nguyễn Thị Vui	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
153	Nguyễn Thị Mỡ	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
154	Đỗ Thị Điệu	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

155	Đỗ Thị Thịnh	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
156	Phạm Thị Tẹo	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
157	Đỗ Thị Tròn	01/01/1932	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
158	Nhữ Thị Gửi	01/01/1933	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
159	Nhữ Đình Sìu	01/01/1933	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
160	Nguyễn Thị Thịnh	01/01/1933	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
161	Đỗ Thị Máng	01/01/1934	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
162	Vũ Thị Thìn	01/01/1935	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
163	Nguyễn Văn Chiều	01/01/1935	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
164	Đỗ Thị Nụ	01/01/1936	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
165	Phạm Thị Na	01/01/1936	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
166	Nguyễn Văn May	01/01/1936	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
167	Nguyễn Thị Gửi	20/01/1937	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
168	Trương Thị Phai	01/01/1937	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
169	Lê Ngọc Hê	01/01/1937	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
170	Nguyễn Thị Nhiều	05/05/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
171	Nhữ Thị Trịnh	07/10/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
172	Lê Thị Yên	01/01/1939	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
173	Nguyễn Thị Bì	15/04/1939	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
174	Vũ Sơn Hải	01/01/1939	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
175	Bùi Quang Tuấn	01/01/1940	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
176	Nhữ Đình Sản	01/01/1940	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
177	Nguyễn Thị Giảng	01/01/1940	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

178	Nguyễn Thị Tỵ	01/02/1940	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
179	Vũ Xuân Túy	03/04/1940	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
180	Đỗ Thị Nhiều	08/05/1940	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
181	Nguyễn Thị Lộc	01/01/1941	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
182	Trần Thị Thả	15/01/1941	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
183	Đỗ Thị Mùi	13/03/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
184	Nguyễn Thị Phán	01/01/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
185	Bùi Thị Đán	3/08/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
186	Vũ Thị Thước	01/04/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
187	Lê Thị Nguyệt	9/2/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
188	Đỗ Văn Phương	20/10/1942	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
189	Vũ Văn Tiến	20/01/1943	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
190	Vũ Thị Thành	26/07/1943	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
191	Vũ Thị Mai	01/01/1938	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
192	Đỗ Thị Nấng	01/01/1932	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
193	Dương Thị Lan	01/01/1932	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
194	Phạm Đình Được	01/01/1932	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
195	Lê Hữu Ánh	01/01/1933	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
196	Đỗ Thị Thức	01/01/1936	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
197	Phạm Thị Cựa	10/03/1937	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
198	Lê Thị Mười	20/11/1938	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
199	Trần Thị Tỵ	1/1/1939	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
200	Vũ Thị Ngải	01/01/1939	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

201	Nguyễn Xuân Đáng	02/09/1938	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
202	Trần Thị Le	20/5/1939	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
203	Đỗ Thị Xâm	15/06/1941	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
204	Vũ Xuân Đào	8/5/1942	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
205	Nhữ Thị Tường	1/2/1943	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
206	Nguyễn Thị Liễu	1/1/1943	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
207	Dương Thị Nhã	01/01/1924	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
208	Vũ Thị Bột	01/01/1924	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
209	Lê Thị Mão	01/01/1938	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
210	Lê Thị Mão	01/01/1938	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
211	Nguyễn Thị Chuối	01/01/1929	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
212	Vũ Thị Lợi	01/01/1928	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
213	Nguyễn Văn Đề	01/01/1927	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
214	Trần Thị Tý	01/01/1927	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
215	Lê Văn Sử	01/01/1931	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
216	Vũ Thị Số	01/01/1929	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
217	Nhữ Thị Nghì	01/01/1933	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
218	Lê Thị Nuôi	01/01/1936	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
219	Nhữ Thị Nguyên	01/01/1936	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
220	Nhữ Thị Nội	15/02/1937	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
221	Lê Văn Thức	20/10/1940	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
222	Vũ Thị Viển	05/03/1940	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
223	Vũ Thị Cận	05/10/1941	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

224	Trần Thị Viên	1/1/1943	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
225	Trần Thị Dung	01/01/1931	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
226	Lê Thị Hon	01/01/1932	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
227	Nhữ Thị Bình	01/01/1932	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
228	Phạm Thị Quỳ	01/01/1933	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
229	Đinh Trọng Hương	01/01/1933	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
230	Nguyễn Thị Dung	20/02/1940	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
231	Vũ Thị Sai	14/05/1940	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
232	Phạm Thị Lịch	05/04/1938	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
233	Đoàn Thị Gái	01/01/1935	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
234	Hà Thị Thê	01/01/1932	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
235	Nguyễn Thị Thơm	20/05/1939	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
236	Lê Thị Minh	01/01/1933	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
237	Vũ Thị Ân	01/01/1937	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
238	Lê Thị Nga	01/01/1932	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
239	Hoàng Thị Thảo	1/1/1944	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
240	Lê Thị Nụ	21/12/1943	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
241	Vũ Thị Thái	1/1/1944	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
242	Nguyễn Thị Sự	20/11/1943	PHÚ KHÊ	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
243	Nhữ Đình Ba	1/1/1944	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
244	Nhữ Đình Đô	1/1/1943	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
245	Nguyễn Văn Chu	25/4/1944	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
246	Lê Ngọc Nhận	01/07/1944	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

247	Nhữ Thị nghì	01/07/1944	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
248	Đỗ Thị Hời	1/1/1944	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
249	Lương Thị Nhì	12/1/1941	Phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
250	Nhữ Thị Chiến	20/08/1944	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
251	Lê Thị Thoan	01/07/1944	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
252	Phạm Thị Hoa	4/10/1944	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
253	Nguyễn Thị Thị	15/4/1945	Phú khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
254	Đỗ Thị Mùi	5/12/1945	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
255	Nhữ Thị Nhã	01/01/1934	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
256	Đặng Thị Tiệp	01/01/1940	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
257	Phạm Thị Diệm	01/01/1936	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
258	Nguyễn Thị Vấn	10/05/1930	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
259	Hà Phát	06/01/1935	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
260	Đỗ Văn Lộ	01/01/1930	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
261	Nguyễn Văn Miến	01/11/1940	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
262	Chu Thị Sáu	01/01/1941	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
263	Nguyễn Thị Cự	16/03/1941	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
264	Lương Thị Tương	01/01/1938	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
265	Nguyễn Thị Kha	01/01/1930	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
266	Phạm Thị Giã	01/03/1936	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
267	Phạm Văn Chỉnh	08/08/1932	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
268	Vũ Thị Tư	01/01/1939	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
269	Nguyễn Thị An	16/02/1933	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

270	Đào Thị Hiên	01/01/1940	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
271	Phạm Thị Vuốt	1/1/1945	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
272	Phạm Quốc Trị	6/25/1944	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
273	Vũ Công Cơ	01/01/1945	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
274	Phạm Thị Đăng	07/04/1945	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
275	Vũ Thị Lịch	01/01/1929	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
276	Vũ Đăng Chứ	06/03/1930	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
277	Cao Thị Nhật	08/04/1929	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
278	Vũ Đăng Chính	01/01/1931	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
279	Mẫn Thị Hán	01/01/1930	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
280	Vũ Thị Thìn	01/01/1928	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
281	Lê Thị Côi	01/01/1927	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
282	Vũ Thị Thìn	01/01/1927	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
283	Lương Thị Nam	01/01/1930	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
284	Vũ Thị Nhẫm	01/01/1931	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
285	Vũ Thị Tiện	10/10/1931	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
286	Lê Văn Lượng	01/01/1929	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
287	Lê Thị Gái	12/09/1931	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
288	Nhữ Thị Lành	04/01/1932	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
289	Lê Thị Dẻo	01/01/1932	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
290	Nhữ Đình Hồng	21/03/1931	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
291	Vũ Thị Bấy	01/02/1932	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
292	Nguyễn Thị Hiên	01/09/1932	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

293	Tạ Thị Xe	20/10/1932	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
294	Vũ Thị Hồng	01/01/1933	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
295	Lê Thị Bóc	10/01/1933	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
296	Vũ Thị Oanh	03/07/1935	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
297	Vũ Thị Khuê	10.03.1936	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
298	Vũ Thị Vui	01/01/1934	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
299	Vũ Thị Bông	01/01/1934	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
300	Vũ Huy Chân	01/01/1934	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
301	Vũ Thị Hiên	01/01/1933	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
302	Nguyễn Thị Thìn	01/01/1938	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
303	Vũ Thị Tách	01/04/1938	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
304	Vũ Thị Tý	01/01/1938	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
305	Vũ Thị Bẩy	02/05/1937	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
306	Vũ Thị Hòa	25/09/1938	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
307	Vũ Thị Dần	10/10/1938	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
308	Vũ Phương Mạo	01/01/1939	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
309	Vũ Thị Hồng	01/01/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
310	Vũ Thị Yếm	01/01/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
311	Vũ Hồng Quang	15/12/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
312	Vũ Huy Tảng	11/04/1939	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
313	Vũ Thị Phỏng	11/09/1939	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
314	Vũ Thị Bòng	05/02/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
315	Vũ Thị Gái	03/04/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

316	Nhữ Đình Chìu	06/05/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
317	Vũ Thị Pha	05/12/1940	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
318	Lê Thị Nhỡ	01/01/1941	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
319	Vũ Khắc Kinh	12/07/1935	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
320	Vũ Thị Ý	01/01/1942	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
321	Lương Thị Nga	01/01/1942	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
322	Vũ Thị Cột	05/04/1942	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
323	Vũ Thị Sắn	07/07/1942	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
324	Vũ Thị Nghiêm	10/10/1942	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
325	Vũ Thị Nghé	01/07/1943	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
326	Lê Thị Lảnh	15/03/1938	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
327	Lê Thị Nhiễm	01/10/1932	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
328	Vũ Thị Cử	01/01/1937	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
329	Dương Công Thự	20/02/1937	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
330	Vũ Đình Hướng	10/10/1937	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
331	Vũ Thị Yên	01/06/1938	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
332	Phạm Thị Chiều	08/02/1939	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
333	Vũ Thị Vợi	07/10/1940	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
334	Dương Công Trắc	02/10/1942	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
335	Phạm Thị Hứa	07/05/1933	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
336	Nhữ Thị Hợp	07/08/1935	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
337	Vũ Thị Nghĩ	12/06/1936	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
338	Lê Thị Được	24.05.1936	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

339	Phạm Văn Chinh	24/10/1936	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
340	Phạm Thị Út	03/04/1938	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
341	Trần Văn Cương	08/02/1939	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
342	Đồng Thị Mạc	27/12/1939	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
343	Vũ Thị Dương	24/06/1940	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
344	Đồng Thị Mĩnh	19/04/1943	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
345	Vũ Thị Cạnh	01/05/1941	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
346	Lê Thị Thái	20/03/1938	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
347	Phạm Thị Đồng	09/03/1931	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
348	Vũ Thị Sê	01/01/1928	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
349	Lê Thị Vực	01/01/1938	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
350	Vũ Thị Đan	10/08/1932	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
351	Phạm Thị Chỗ	01/01/1933	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
352	Phạm Thị Cúc	01/01/1933	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
353	Phạm Văn Mao	12/06/1934	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
354	Vũ Đình Chiến	06/06/1935	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
355	Nguyễn Thị Sửa	12.6.1936	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
356	Phạm Văn Lộc	15/08/1937	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
357	Vũ Thị Ngó	10/03/1937	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
358	Vũ Thị Bông	10/04/1937	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
359	Lê Thị Thủy	08/09/1938	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
360	Phạm Thị Kiệm	12/02/1940	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
361	Phạm Văn Quốc	01/06/1939	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

362	Vũ Văn Khể	14/10/1940	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
363	Nguyễn Văn Xuyên	01/12/1941	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
364	Đào Thị Biền	14/03/1942	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
365	Vũ Xuân Trắc	19/06/1942	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
366	Vũ Đình Thiệu	05/08/1942	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
367	Dương Hồng Phong	08/03/1944	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
368	Vũ Công Minh	28/07/1944	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
369	Vũ Thị Nhi	20/10/1944	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
370	Vũ Thị Dậu	01/01/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
371	Nhữ Thị Tàm	01/01/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
372	Dương Công Mệnh	01/02/1945	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
373	Vũ Thị Đảm	17/02/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
374	Vũ Thị Dấn	02/02/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
375	Vũ Đăng Sản	17/5/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
376	Vũ Thị Quẩn	01/01/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
377	Nguyễn Đức Khảm	1/1/1930	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
378	Hoàng Thị Trò	1/1/1940	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
379	Lê Thị Dảo	1/1/1942	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
380	Bùi Thị Uyên	4/10/1964	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
381	Hoàng Thị Nhuận	1/1/1933	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
382	Phạm Thị Mí	1/1/1928	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
383	Trần Đức Dụng	1/1/1936	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
384	Bùi Thị Hoàn	1/1/1940	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

385	Nguyễn Xuân Hồi	01/5/1941	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
386	Cao Thị Lịm	23/12/1937	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
387	Nguyễn Thị Ngói (Quang)	07/10/1937	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
388	Phạm Thị Tịnh	3/6/1939	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
389	Bùi Thị Tý	1/1/1940	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
390	Đào Văn Dung	29/10/1954	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
391	Phạm Đăng Ngọ	20/10/1941	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
392	Vũ Văn Canh	10/1/1940	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
393	Lê Thị Bằng	1/1/1940	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
394	Phạm Thị Hường	1/1/1934	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
395	Nguyễn Thị Gái	8/3/1934	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
396	Phạm Thị Thảo	1/6/1935	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
397	Phạm Thị Gấm	01/01/1938	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
398	Nguyễn Thị Nghiên	18/08/1942	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
399	Vũ Hữu Soi	04/09/1942	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
400	Lê Đình Trọng	20/10/1943	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
401	Lê Thị Cân	1/1/1934	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
402	Hoàng Đình Nền	27/7/1943	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
403	Phạm Bá Quất	20/12/1935	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
404	Vũ Thị Phụng	1/1/1937	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
405	Vũ Thị Trương	1/1/1941	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
406	Bùi Văn Tích	09/6/1938	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
407	Phạm Văn Lượng	18/8/1934	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

408	Bùi Thị Viết	10/6/1935	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
409	Đào Thị Mải	15/1/1939	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
410	Phạm Thị Bảnh	26/9/1939	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
411	Đào Thị Mừng	1/6/1940	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
412	Đào Thị Nhớn	9/4/1936	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
413	Bùi Thị Nhớn	9/4/1936	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
414	Bùi Thị Hào	1/11/1940	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
415	Đào Thị Hè	1/1/1940	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
416	Phạm Thị Còm	13/7/1940	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
417	Bùi Thị Mai	1/1/1943	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
418	Cao Thị Chung	01/01/1942	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
419	Nguyễn Thị Lan	1/8/1940	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
420	Phạm Xuân Thướng	15/4/1933	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
421	Cao Thị Nụ	1/1/1929	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
422	Nguyễn Văn Sỹ	1/1/1930	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
423	Bùi Thị Khoai	1/1/1931	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
424	Nguyễn Văn Triệu	1/1/1934	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
425	Vũ Thế Chuyền	1/1/1940	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
426	Vũ Văn Hùng	1/6/1941	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
427	Lê Thị Ngận	08/02/1942	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
428	Vũ Thị Tuyên	1/1/1937	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
429	Lê Thị Hỷ	1/1/1939	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
430	Phạm Đình Khóa	1/1/1936	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

431	Nguyễn Thị Thập	15/3/1934	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
432	Nguyễn Văn Dung	1/1/1938	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
433	Lê Thị Đông	1/1/1938	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
434	Vũ Thị Vẻ	1/1/1940	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
435	Lương Thị Nga	1/1/1940	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
436	Vũ Thị Nga (Vấn)	10/2/1940	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
437	Đào Thị Thân	01/01/1943	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
438	Bùi Thị Na	1/1/1931	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
439	Nguyễn Thị Đạc	1/1/1936	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
440	Đặng Thị Kiển	1/1/1943	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
441	Trịnh Thị Lấm	10/2/1934	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
442	Bùi Thị Sử	03/03/1942	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
443	Vũ Thị Phương	1/1/1934	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
444	Nguyễn Văn Thắng	1/1/1930	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
445	Vũ Thị Lệ	1/1/1937	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
446	Lưu Thị Mầm	1/1/1935	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
447	Phạm Thị Tý	1/1/1932	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
448	Hoàng Thị Lợi	20/4/1937	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
449	Phạm Thị Hạnh	24/4/1939	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
450	Phạm Thị Toan	16/4/1943	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
451	Vũ Thị Dược	1/1/1933	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
452	Vũ Thị Mỹ	12/12/1937	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
453	Nguyễn Thị Ty	12/3/1936	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

454	Nhữ Thị Tấp	1/1/1939	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
455	Vũ Thị Tỵ	1/1/1940	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
456	Phạm Hồng Vấn	1/2/1941	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
457	Vũ Thị Chỉ	01/01/1943	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
458	Phạm Thị Côi	24/3/1938	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
459	Phạm Văn Tha	14/09/1942	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
460	Nguyễn Thị Bân	1/1/1941	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
461	Phạm Thị Vội	10/1/1930	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
462	Phạm Thị Nhượng	1/1/1935	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
463	Đào Thị Chín	1/1/1936	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
464	Phạm Thị Hìu	1/1/1936	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
465	Đào Thị Soạn	10/5/1937	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
466	Nguyễn Thị Bẩy	1/1/1938	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
467	Phạm Thị Tuyến	10/1/1943	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
468	Phạm Thị Trịnh	28/2/1944	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
469	Lê Thị Nghĩa	01/2/1944	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
470	Phạm Thị Thủy	1/1/1944	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
471	Phạm Thị Điệu	25/2/1944	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
472	Nguyễn Thị Chanh	3/2/1944	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
473	Trần Thị Bồng	1/1/1944	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
474	Phạm Thị Nam	1/1/1943	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	70
475	Trần Thị Gái	1/1/1932	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	3150
476	Chu Thị Thơm	15/6/1944	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

477	Hoàng Thị Dư	23/8/1944	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
478	Nguyễn Tiến Hưu	1/1/1944	Lương ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
479	Phạm Văn Khi	1/9/1944	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
480	Phạm Văn Thẩm	20/10/1944	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
481	Vũ Thị Miên	29/3/1945	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
482	Hoàng Thị Vinh	15/02/1945	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
483	Nguyễn Thị Vinh	20/4/1945	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
484	Phạm Thị Tông	11/4/1945	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
485	Nguyễn Văn Đan	01/01/1945	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
486	Vũ Thị Hảo	01/6/1945	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
487	Vũ Thị Thắng	25/1/1948	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
488	Hà Thị Mách	15/10/1949	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
489	Vũ Thị Ré	8/4/1948	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
490	Bùi Thị Chén	01/01/1950	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
491	Nguyễn Thị Chuyên	26/11/1947	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
492	Vũ Thị Thanh	10/5/1947	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
493	Nguyễn Thị Mòi	01/01/1948	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
494	Lê Văn Vu	01/10/1948	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
495	Trần Thị Thuấn	25/10/1954	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
496	Vũ Thị Dung	15/7/1947	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
497	Nguyễn Quỳnh Côi	18/7/1950	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
498	Nguyễn Thị Chiết	27/10/1947	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
499	Lê Thị Hằng	1/1/1948	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

500	Hoàng Đình Hiểu	5/1/1947	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
501	Lương Thị Bờ	20/7/1948	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
502	Nguyễn Thị Gái	10/12/1949	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
503	Phạm Thị Dủng	1/1/1949	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
504	Trần Văn Kỳ	10/3/1947	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
505	Trần Hữu Năm	3/6/1950	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
506	Lê Thị Nga	1/1/1955	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
507	Nguyễn Văn Bốn	1/1/1955	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
508	Hồ Xuân Thái	23/1/1947	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
509	Lê Thị Nhủ	1/1/1950	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
510	Nguyễn Thị Đông	15/10/1949	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
511	Đinh Thị Duyên	1/1/1948	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
512	Hồ Xuân Bính	2/8/1949	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
513	Vũ Thị Hòa	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
514	Hà Thị Bấm	20/2/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	sđt: 034714
515	Vũ Duy Hà	29/3/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
516	Vũ Thị Hương	10/5/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
517	Trịnh Thị Hường	1/3/1947	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
518	Lê Thị Minh	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
519	Lê Thị Ngoan	1/1/1948	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
520	Vũ Thế Phiệt	24/2/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
521	Nguyễn Thị Thơm	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
522	Hồ Thị Xuân	1/6/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

523	Vũ Thị Mận	10/11/1945	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
524	Vũ Thị Mớ	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
525	Bùi Thị Sen	01/1/1948	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
526	Đàm Thị Cách	14/4/1948	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
527	Vũ Thị Lưu	11/10/1945	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
528	Đỗ Đình Bắc	1/3/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
529	Trương Thị Linh	15/6/1946	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
530	Nguyễn Thị Xòe	1/1/1946	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
531	Phạm Thị Sơn	22/10/1949	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
532	Nguyễn Đình Truyền	1/1/1948	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
533	Phạm Thị Yên	1/1/1948	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	2	80,000	
534	Nguyễn Thị Miên	16/8/1947	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
535	Phạm Đình Sơn	1/1/1949	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
536	Vũ Tá Hiệp	1/1/1947	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
537	Trương Thị Phổng	1/1/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
538	Vũ Đình Chiêm	13/7/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
539	Đỗ Thị Ngung	1/1/1948	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
540	Lê Thị Gấm	20/12/1947	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
541	Trần Văn Sáu	1/1/1948	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
542	Nguyễn Thị Pha	5/5/1955	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
543	Vũ CÔng Chỉ	25/5/1949	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
544	Vũ Ngọc Xương	20/12/1946	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
545	Nguyễn Thị Xoa	1/2/1955	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

546	Vũ Thị Do	20/10/1948	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
547	Vũ Thị Sửu	8/8/1948	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
548	Vũ Thị Chớp	1/1/1947	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
549	Nguyễn Sông Thao	1/1/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
550	Vũ Thị Đấu	1/1/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
551	Vũ Thị Nhuận	20/8/1949	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
552	Vũ Thị Chắn	20/9/1949	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
553	Vũ Thị Đông	24/8/1950	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
554	Nguyễn Bá Thành	20/4/1954	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
555	Phạm Thị Ưu	1/1/1950	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
556	Vũ Hữu Tản	1/1/1946	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
557	Phạm Đình Tự	24/1/1949	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
558	Phạm Ngọc Đĩnh	7/7/1945	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
559	Hoàng Đức Đoàn	17/7/1950	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
560	Nguyễn Văn Thừa	10/2/1950	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
561	Nguyễn Thị Hoàn	24/5/1945	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
562	Lưu Thị Chua	11/10/1946	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
563	Nguyễn Xuân Cư	20/10/1949	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
564	Nguyễn Thị Khang	16/3/1949	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
565	Phạm Ngọc Hưng	12/12/1949	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
566	Hoàng Đình Hùng	12/2/1950	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
567	Trần Thị Kỉnh	10/11/1948	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
568	Phạm Thị Sòi	10/8/1947	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

569	Nguyễn Văn Hảo	15/12/1948	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
570	Trần Thị Miệng	21/5/1947	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
571	Phạm Thị Duyên	1/1/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
572	Nguyễn Thị Ngoãn	1/1/1947	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
573	Lê Văn Cảnh	22/12/1947	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
574	Đào Thị Chắn	10/7/1946	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
575	Đào Minh Thông	1/1/1946	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
576	Phạm Văn Dụ	15/3/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
577	Phạm Thị Na	24/9/1947	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
578	Đào Thị Canh	1/1/1949	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
579	Đào Thị Ngọt	20/8/1949	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
580	Nguyễn Thị Lan	2/1/1947	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
581	Phạm Thị Lập	4/4/1949	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
582	Bùi Xuân Đê	23/6/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
583	Phạm Văn Hiểu	8/5/1946	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
584	Nguyễn Thị Hoa	1/1/1949	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
585	Phạm Văn Bi	1/5/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
586	Nguyễn Thị Vường	20/7/1950	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
587	Đào Thị Dẻo	20/4/1950	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
588	Phạm Văn Bỉnh	1/3/1946	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
589	Bùi Văn Biên	18/2/1947	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
590	Phạm Thị Nội	26/8/1954	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
591	Bùi Văn Tý	5/10/1947	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

592	Phạm Thị Tỉnh	4/5/1950	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
593	Vũ Thị Soi	1/1/1950	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
594	Bùi Văn Thắng	1/1/1952	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
595	Đào Thị Đúc	12/11/1954	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
596	Trần Thị Loan	1/1/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
597	Phạm Văn Trung	1/1/1947	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
598	Phạm Văn Tòng	22/9/1945	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
599	Đào Đình Tòng	1/4/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
600	Khúc Thị Thoảng	1/1/1948	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
601	Lê Thị Giảm	29/10/1949	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
602	PhẠM Thị Soi	1/1/1947	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
603	Đoàn Thị Cuông	1/1/1949	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
604	Phạm Thị Chỉnh	1/1/1948	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
605	Vũ Thị Đương	26/10/1948	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
606	Chu Thị Mùng	1/1/1948	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
607	Lê Thị Lâm	1/1/1950	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
608	Lê Thị Dần	1/1/1950	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
609	Vũ Văn Trình	7/4/1950	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
610	Nguyễn Văn Nghiên	10/4/1947	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
611	Lê Thị Nga	1/1/1946	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
612	Vũ Thị Thơm	18/5/1946	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
613	Phạm Quốc Bảo	18/5/1948	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
614	Phạm Thị Tự	1/1/1948	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

615	Vũ Thị Mây	1/1/1952	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
616	Nguyễn Thị Lạc	1/1/1950	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
617	Vũ Văn Hồng	1/1/1950	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
618	Vũ Như Thự	1/1/1949	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
619	Nguyễn Xuân Thụ	27/2/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
620	Vũ Thị Ngừng	20/5/1949	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
621	Nguyễn Thị Vẽ	1/12/1945	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
622	Phạm Văn Lãi	17/8/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
623	Vũ Thị Kiểm	1/1/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
624	Nguyễn Xuân Đan	19/05/1945	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
625	Vũ Như Hiếu	20/12/1949	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
626	Nguyễn Văn Huấn	12/12/1948	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
627	Vũ Xuân Nha	8/4/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
628	Trần Thị Toàn	20/7/1948	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
629	Phạm Văn Quang	1/1/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
630	Vũ Thị Chiến	9/2/1949	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
631	Vũ Đức Dược	17/2/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
632	Vũ Xuân Thự	2/8/1947	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
633	Vũ Minh Thưởng	8/4/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
634	Vũ Như Biển	1/9/1948	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
635	Đỗ Thị Thoa	1/1/1948	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
636	Nguyễn Văn Diên	8/3/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
637	Vũ Thị Chắt	20/5/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

638	Trần Thị Duyến	6/2/1947	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
639	Đỗ Thị My	16/8/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
640	Bùi Văn Khôi	8/7/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
641	Nguyễn Thị Dôi	2/2/1946	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
642	Vũ Đức Tráng	10/4/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
643	Trần Thị Nhu	1/3/1947	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
644	Phạm Văn Kiên	20/7/1948	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
645	Nhữ Thị Nghi	4/5/1948	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
646	Vũ Thị Qũy	1/1/1946	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
647	Phạm Thị Kiến	8/5/1948	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
648	Nhữ Thị Xâm	1/1/1955	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
649	Lê Hữu Chư	10/10/1949	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
650	Lê Thị Xu	10/3/1947	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
651	Vũ Thị Hoà	1/3/1950	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
652	Trần Thị Khánh	21/1/1948	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
653	Bùi Công Siêu	14/6/1947	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
654	Lê Huy Đào	15/3/1949	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
655	Vũ Thị Đê	1/4/1949	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
656	Phạm Đản	20/6/1948	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
657	Nhữ Thị Gấm	1/1/1946	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
658	Phạm Đình Khẩn	19/3/1946	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
659	Lê Huy Măng	7/3/1946	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
660	Phạm Thị Thuần	1/1/1947	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

661	Lê Thị Tỵ	10/5/1953	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
662	Vũ Thị Nhiệm	1/1/1946	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
663	Lê Hồng Phóng	8/4/1946	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
664	Vũ Minh Khuê	20/2/1950	phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
665	Lê Tiến Lợi	8/3/1950	phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
666	Vũ Thị ích	12/10/1949	phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
667	Đỗ Thị Túc	7/10/1947	phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
668	Phạm Thị Thìn	19/5/1952	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
669	Nhữ Thị Tâm	1/1/1947	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
670	Nhữ Xuân Thu	20/8/1947	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
671	Nguyễn Thị Ngần	1/1/1946	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
672	Lại Thị Trường	1/1/1948	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
673	Nhữ Thị Đông	1/1/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
674	Vũ Tiến An	1/1/1946	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
675	Chu Thế Hiếu	1/1/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
676	Vũ Văn Thao	1/1/1946	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
677	Vũ Đức Điện	25/7/1946	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
678	Nhữ Văn Giảng	7/2/1947	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
679	Dương Văn Kế	1/3/1948	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
680	Nhữ Thị Viên	10/12/1948	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
681	Chu Thị Thái	2/7/1947	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
682	Lê Thị Mai	16/8/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
683	Hoàng Thị Đích	10/1/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

684	Nguyễn Thị Bưởi	1/1/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
685	Bùi Tiến Duy	6/10/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
686	Vũ Thị Khuy	1/1/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
687	Trần Thị Chiều	1/1/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
688	Vũ Thị Bé	15/5/1946	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
689	Lâm Thị Lâm	10/3/1946	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
690	Đào Văn Duyên	28/4/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
691	Dương Thị Ngợi	15/4/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
692	Nguyễn Thị My	5/2/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
693	Đỗ Văn Động	17/4/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
694	Vũ Thị Bìn	10/7/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
695	Nhữ Thị Ly	20/8/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
696	Nguyễn Thị Hằng	1/1/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
697	Nhữ Thị Thắm	14/6/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
698	Lê Văn Đản	27/6/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
699	Phạm Thị Thoa	12/5/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
700	Trần Thị Sửu	21/2/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
701	Nguyễn Thị Quéo	15/1/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
702	Nhữ Thị Sàn	17/9/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
703	Nhữ Thị Hoàn	14/1/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
704	Nguyễn Thị Thoa	20/5/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
705	Nguyễn Thị Tý	26/12/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
706	Đỗ Văn Chức	9/8/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

707	Nguyễn Thị Tứ	1/1/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
708	Nhữ Đình Thắm	1/1/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
709	Nhữ Thị Nụ	1/1/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
710	Nguyễn Thị Yên	28/4/1955	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
711	Đỗ Thị Sửu	20/12/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
712	Dương Thị Chín	18/7/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
713	Lê Ngọc Đồng	1/1/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
714	Nhữ Hải Đường	17/10/1945	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
715	Phạm Thị Sử	1/1/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
716	Trần Thị Thinh	11/11/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
717	Lê Văn Qúy	6/8/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
718	Nhữ Đình Thắng	25/2/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
719	Đỗ Văn Tề	5/5/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
720	Vũ Thị Sứ	4/2/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
721	Nguyễn Thị Sửu	20/1/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
722	Nhữ Thị Nhiêm	1/5/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
723	Hoàng Thị Hợi	19/1/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
724	Phạm Thị Thái	15/10/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
725	Bùi Thị Nhẫn	21/1/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
726	Trần Thị Cảnh	13/8/1947	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
727	Nhữ Thị Tình	1/1/1949	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
728	Đỗ Văn Đậu	20/12/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
729	Vũ Nhật Kính	22/7/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

730	Đồng Thị Hĩnh	23/1/1953	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
731	Nguyễn Thị Huệ	12/1/1950	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
732	Hà Thanh Tâm	26/3/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
733	Đinh Văn Lạng	4/2/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
734	Nguyễn Thị Kỷ	30/5/1950	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
735	Nguyễn Thị Chọt	20/6/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
736	Phạm Thị Làn	1/4/1950	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
737	Nguyễn Thị Nụ	18/4/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
738	Lê Văn Thuần	30/10/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
739	Vũ Đình Tuyển	2/7/1949	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
740	Vũ Đình Bưởi	10/7/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
741	Vũ Văn Côn	17/4/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
742	Đỗ Thị Phương	4/11/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
743	Nguyễn Thị Lạng	18/6/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
744	Vũ Thị Hiền	5/5/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
745	Đỗ Thị Nghiêm	1/1/1946	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
746	Vũ Thị Lan	1/7/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
747	Vũ Thị Kén	30/1/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
748	Đỗ Thị Chúc	25/3/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
749	Đỗ Tôn Thuận	2/2/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
750	Vũ Văn Hảo	4/3/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
751	Vũ Thị Mờ	1/2/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
752	Nguyễn Văn Luyến	5/8/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

753	Vũ Văn Lên	17/6/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
754	Vũ Thị Lập	9/10/1949	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
755	Nguyễn Thị Sâm	7/4/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
756	Nguyễn Thị Mão	1/1/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
757	Vũ Thị Chuyển	10/3/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
758	Vũ Thị Bài	12/12/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
759	Vũ Thị Vạng	4/2/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
760	Vũ Xuân Kiểm	26/10/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
761	Lê Thị Cước	18/4/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
762	Nguyễn Thị Loan	1/1/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
763	Vũ Huy Nhân	26/7/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
764	Nguyễn Thị Hương	19/5/1946	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
765	Vũ Thị Kháng	1/1/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
766	Nguyễn Thị Thảnh	1/1/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
767	Luyện Thị Ngát	1/1/1953	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
768	Vũ Xuân Phục	1/1/1946	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
769	Vũ Thị Tý	10/5/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
770	Vũ Thị Nhì	24/5/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
771	Hoàng Thị Tý	1/1/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
772	Vũ Xuân Hiểu	21/3/1954	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
773	Vũ Xuân Truyền	1/6/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
774	Vũ Thị Nấm	1/1/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
775	Vũ Thị Vạc	1/4/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

776	Vũ Xuân Hồng	16/7/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
777	Nhữ Thị Côi	3/3/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
778	Vũ Xuân Gác	19/9/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
779	Vũ Đăng Sơn	5/9/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
780	Vũ Quốc Ái	12/9/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
781	Lê Duy Bạt	7/11/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
782	Vũ Xuân Long	29/8/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
783	Nguyễn Thị Bào	19/6/1946	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
784	Vũ Đăng Thọ	6/6/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
785	Vũ Nhật Hồng	23/4/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
786	Vũ Thị Bẩy	1/1/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
787	Vũ Thị Minh	1/1/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
788	Vũ Ngọc Chiến	8/4/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
789	Đỗ Văn Viêm	2/11/1945	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
790	Nguyễn Thị Vân	15/4/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
791	Vũ Thị Điệp	10/12/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
792	Vũ Thiện Sơn	23/7/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
793	Vũ Thị La	1/1/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
794	Vũ Thị Khoa	8/3/1949	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
795	Nguyễn Thị Điểm	20/2/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
796	Vũ Khắc Hiền	7/9/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
797	Lương Thị Sản	25/5/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
798	Vũ Thị Minh Ngát	15/8/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

799	Vũ duy Kíp	4/5/1947	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
800	Lưu Thị Chiến	20/4/1948	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
801	Dương Thị Vèn	10/10/1945	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
802	Vũ Đình Phách	10/10/1945	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
803	Vũ Đình Thuấn	1/2/1947	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
804	Dương Thị Tuyết	3/3/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
805	Vũ Thị Khuyến	1/4/1953	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
806	Dương Thị Lệ	21/1/1950	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
807	Dương Văn Viết	27/12/1947	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
808	Vũ Hồng Sơn	15/10/1947	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
809	Dương Công Đán	1/11/1949	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
810	Vũ Đình Khiển	1/1/1949	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
811	Đỗ Thị Châm	10/6/1948	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
812	Nguyễn Công Bình	1/1/1948	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
813	Hoàng Thị Gắn	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
814	Chu Thị Lan	1/1/1949	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
815	Vũ Thị Bột	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
816	Vũ Thị Mẽ	1/1/1946	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
817	Vũ Xuân Ngọc	3/3/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
818	Vũ Thị Cù	1/1/1949	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
819	Vũ Thị Kiến	11/12/1948	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
820	Vũ Thị Bướm	1/1/1950	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
821	Lê Văn Dư	12/6/1945	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

822	Vũ Thị My	6/20/1945	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
823	Đào Thị Đường	4/4/1946	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
824	Trịnh Thị Thu	8/10/1949	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
825	Bùi Văn Việt	6/1/1948	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
826	Phạm Thị ơn	7/1/1949	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
827	Nguyễn Thị Phàn	8/10/1948	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
828	Phạm Huy Quấy	1/1/1948	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
829	Vũ Thị Hạ	1/1/1948	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
830	Phạm Huy Môn	1/1/1947	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
831	Phạm Thị Tràng	1/1/1947	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
832	Phạm Văn Canh	1/1/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
833	Vũ Thị Điều	9/6/1945	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
834	Phạm Xuân ba	1/1/1949	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
835	Lưu Văn Tráng	4/24/1947	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
836	Nhữ Thị Huệ	7/14/1948	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
837	Nhữ Thị Ty	6/5/1948	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
838	Vũ Thị lan	10/10/1945	phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
839	Nguyễn Thị Ngọt	3/6/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
840	Hoàng Văn Quân	20/8/1950	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
841	Lê Thị Lư	13/8/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
842	Vũ Thị Thoan	10/9/1945	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
843	Nguyễn Thị Vẻ	9/8/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
844	Đỗ Văn Long	2/2/1955	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

845	Nhữ Thị Ứng	`1/1/1948	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
846	Đoàn Thị Đào	15/8/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
847	Lê Thị Mai	16/8/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
848	Vũ Thị Cử	4/81950	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
849	Phan Thị Xiêm	25/10/1949	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
850	Lê Thị Ngoan	9/6/1952	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
851	Vũ Thị Hiền	7/8/1955	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
852	Lê Thị Lâm	13/9/1955	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
853	Vũ Văn Xuyên	25/9/1955	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
854	Nguyễn Thị Liên	12/9/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
855	Đinh Thị Tý	15/8/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
856	Lê Thị Khéo	8/4/1949	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
857	Nhữ Thị Khê	25/8/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
858	Nhữ Thị Tấn	20/9/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
859	Phạm Xuân Mừng	23/9/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
860	Trần Thị Tầm	21/9/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
861	Đoàn Thị Lệ	1/1/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
862	Phạm Văn Chinh	10/10/1950	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
863	Nguyễn Văn Độ	16/10/1950	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
864	Nhữ Thị Nhi	23/10/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
865	Vũ Thị Thu Nghế	8/10/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
866	Vũ Xuân Nghĩa	11/11/1953	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
867	Vũ Thị Hường	1/1/1953	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

868	Nguyễn Thị Định	07/12/1950	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
869	Nguyễn Văn Vệ	21/12/1950	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
870	Nguyễn Công Huân	15/12/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
871	Nhữ Đình Thơm	19/12/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
872	Vũ Thị Nga	30/12/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
873	Vũ Đức Sợi	10/12/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
874	Nguyễn Thị Thi	15/11/1950	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
875	Phạm Thị Mơ	02/11/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
876	Nguyễn Thị Nhật	08/12/1950	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
877	Vũ Thị Kiền	1/1/1951	bá đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
878	Đặng Thị Mây	1/1/1951	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
879	Nguyễn Thị Vui	01/01/1951	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
880	Trần Văn Tăng	01/01/1951	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
881	Đoàn Thị Thục	12/07/1954	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
882	Nguyễn Văn Sức	20/05/1951	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
883	Vũ Thị Say	01/01/1951	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
884	Nguyễn Thị May	01/01/1951	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
885	Phan Thị Cẩn	14/1/1951	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
886	Đỗ Thị Yên	01/01/1951	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
887	Bùi Thị Đà	2/25/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
888	Vũ Thị Bến	2/22/1951	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
889	Nguyễn Thị Vọng	2/12/1951	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
890	Phạm Văn Thìn	2/5/1951	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

891	Phạm Văn Hán	26/1/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
892	Nhữ Thị Nguyễn	1/1/1951	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
893	Vũ Xuân Định	1/2/1951	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
894	Nguyễn Thị Tới	29/12/1950	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
895	Vũ Thị Yên	08/12/1950	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
896	Hoàng Minh Khánh	22/12/1950	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
897	Vũ Xuân Thành	01/01/1949	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
898	Nguyễn Công Nhân	15/12/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
899	Lê Thị Nghiên	01/01/1951	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
900	Vũ Thị Bột	01/01/1951	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
901	Nguyễn Thị Ngó	01/01/1951	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
902	Nguyễn Thị Lan	04/02/1951	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
903	Lê Thị Hằng	01/03/1951	Sồi Tó	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
904	Nguyễn Thị Tâm	07/03/1951	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
905	Đào Thị Lân	14/03/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
906	Phạm Thị Tuất	01/01/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
907	Tăng Thị Thuận	26/03/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
908	Nguyễn Thị Lưu	16/03/1950	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
909	Nguyễn Thị Bót	12/03/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
910	Hoàng Ngọc Sáu	10/10/1950	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
911	Vũ Đăng Là	06/03/1951	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
912	Lê Văn Nam	20/04/1951	Châu Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
913	Đào Thị Hường	20/04/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

914	Vũ Thị Mai	22/12/1955	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
915	Vũ Thị Thị	01/01/1951	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
916	Trần Văn Phạo	01/01/1951	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
917	Phạm Thị Ngọ	17/02/1951	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
918	Đỗ Thị Đức	01/01/1951	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
919	Vũ Đình San	12/12/1950	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
920	Đoàn Thị Lan	01/01/1951	Chí Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
921	Vũ Thị Liên	20/05/1951	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
922	Đỗ Văn San	03/05/1951	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
923	Phạm Thị An	01/01/1956	Bình Minh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
924	Phạm Ngọc Lĩnh	13/5/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
925	Trần Thị Bằng	10/5/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
926	Vũ Thị Nhị	04/06/1951	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
927	Lê Thị Xá	20/06/1951	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
928	Vũ Đăng Hợp	10/06/1956	Mộ Trạch	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
929	Phạm Thị Chén	20/06/1956	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
930	Nguyễn Thị Đản	17/06/1951	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
931	Phạm Văn Thọ	30/06/1951	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
932	Nguyễn Thị Hồng	04/07/1951	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
933	Vũ Thị Thảo	10/07/1951	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
934	Hoàng Thanh Quyết	27/07/1951	Thị Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
935	Phạm Thị Tần	14/05/1956	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
936	Vũ Thị Nhẫn	06/10/1950	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	

937	Dương Thị Thức	25/06/1951	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
938	Nguyễn Thị Bắc	18/6/1945	phủ Bình	Đường An	500,000	540,000	40,000	3	120,000	
939	Vũ Nhật Toản	02/08/1953	Tân Hồng	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
940	Vũ Thị Chích	01/01/1955	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
941	Mai Thị Hồi	10/09/1951	Phú Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
942	Vũ Thị Mai	19/08/1951	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
943	Vũ Thị Nhâm	20/08/1951	My Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
944	Trần Văn Lăng	25/04/1955	Bá Đông	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
945	Nguyễn Thị Hẳn	01/01/1928	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
946	Tống Thị Nhuần	1/1/1948	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
947	Phạm Thị Tý	3/7/1931	Ngọc Cục	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
948	Nguyễn Thị Hoán	1/1/1932	Lương Ngọc	Đường An	500,000	540,000	40,000	1	40,000	
949	Trần Thị Lương	2/10/1945	Hoàng Khê	Đường An	500,000	540,000	40,000	2	80,000	
950	Lê Thị Cừ	1/1/1938	Châu Tranh	Đường An	500,000	540,000	40,000	2	80,000	
951	Đinh Thị Minh	01/01/1927	Vạc	Đường An	500,000	540,000	40,000	2	80,000	
952	Nguyễn Quang Túc	3/10/1944	Sồi Cầu	Đường An	500,000	540,000	40,000	2	80,000	
	Tổng						**38,080,000**	**2,831**	**113,240,000**	
